CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
https://www.moitruongvec.com/ Email: moitruongvec90@gmail.com/
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu:00645/2025/PKQ/25.148)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINA PAPER**	
Địa chỉ:	Cụm Công nghiệp Tân Chi, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	
Địa chỉ lấy mẫu:	Cụm công nghiệp (CCN) Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	
Vị trí quan trắc:	**NT1: Sau hệ thống xử lý nước thải tại điểm đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của Cum công nghiệp Tân Chi.**	
Tọa độ:	X=2333712, Y=559665	
Loại mẫu:	Nước thải	**Mã hóa mẫu:** 250306.NT-010
Ngày lấy mẫu:	06/03/2025	
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 06/03/2025 đến ngày 25/03/2025	

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 12 MT:2015 /BTNMT	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT-001	Cmax (Kq=0,9, Kf=1,1)	Cmax (Kq=0,9, Kf=1,0)
1	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	°C	26	40	40
2	Độ màu	TCVN 6185C:2015 (phương pháp C)	Pt/Co	25,3	49,5	49,5
3	pH	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 - 9	6 - 9
4	BOD_5 (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	23,1	27	27
5	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	40	74,25	74,25
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	<12,0(LOQ=12,0)	49,5	49,5
7	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH(MDL=0,005)	-	0,045
8	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH(MDL=0,0005)	-	0,0045
9	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH(MDL=0,005)	-	0,09
10	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH(MDL=0,005)	-	0,045
11	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520.B&F:2017	mg/L	2,3	-	4,5
12	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	2,17	-	4,5
13	Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/L	12,5	-	18
14	Tổng phốt pho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	0,13	-	3,6
15	Tổng coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	1.700	-	3.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, Kq = 0,9 và Kf = 1,0) và QCVN 12 MT:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (Cột A, Kq = 0,9 và Kf = 1,1);
- KPH: Không phát hiện; (MDL: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp).

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
2. Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
4. Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
https://www.moitruongvec.com/ Email: moitruongvec90@gmail.com/
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu:00646/2025/PKQ/25.148)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINA PAPER**	
Địa chỉ:	Cụm Công nghiệp Tân Chi, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	
Địa chỉ lấy mẫu:	Cụm công nghiệp (CCN) Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	
Vị trí quan trắc:	**KT1: Tại cửa lấy mẫu trên thân ống khói lò hơi Tương ứng với ống khói thải chung (sau hệ thống xử lý khí thải của lò hơi số 01 và lò hơi số 02)**	
Tọa độ:	X=2333847, Y=559679	
Loại mẫu:	Khí thải	**Mã hóa mẫu:** 250306.KT-011
Ngày lấy mẫu:	06/03/2025	
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 06/03/2025 đến ngày 25/03/2025	

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT
				KT-001	Giới hạn (Nồng độ Cmax)
1	Nhiệt độ	SOP/VEC/QT/KT.01	°C	146	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	14.274,9	-
3	Áp suất	SOP/VEC/QT/KT.01	mBar	1.012,5	-
4	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm^3	18,92	180
5	Cacbon oxit, CO	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm^3	119	900
6	Hydro sunphua, $H_2S^{(*)}$	JIS K 0108:2010	mg/Nm^3	KPH(MDL=0,8)	6,75
7	Lưu huỳnh đioxit, SO_2	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm^3	<2,62(#)	450
8	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO_2)	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm^3	11	765

Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khi thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Với nồng độ Cmax = C x Kp x Kv (trong đó Kp= 0,9 và Kv =1,0);
- KPH: Không phát hiện; (MDL: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp);
- Dấu (<): Nhỏ hơn; (LOQ: Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp);
- <(#): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (IDL) của thiết bị đo;
- Dấu (-): là không quy định;
- Dấu (*) chỉ tiêu được thực hiện bởi: Công Ty Cổ Phần Môi Trường Đại Nam (VIMCERTS 288) có kết quả kèm theo.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM

Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
2. Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
4. Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM
Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm,TP Hà Nội
Webite: https://dainamenm.com *Email: mtdainam@gmail.com*
Hotline: 024.22800777

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01007/2025/PKQ/25.684

Tên khách hàng	:	Công ty TNHH môi trường VEC Việt Nam	
Địa chỉ	:	Số 29 phố Thị Chung, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	
Địa điểm quan trắc	:	Công ty TNHH Một thành viên Vina Paper tại Cụm công nghiệp (CCN) Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	
Loại mẫu	:	Khí thải	Số mẫu: 1
Mã mẫu	:	250306.KT.003	
Ngày quan trắc/ nhận mẫu	:	06/03/2025	Ngày trả kết quả: 14/03/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT-001	Cột B
1	Hydro sunphua (H_2S)	*JIS K 0108:2010*	*mg/Nm^3*	KPH (MDL=0,8)	*7,5*

Ghi chú:
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;
- Vị trí lấy mẫu:
+ **KT-001**: Mẫu khí thải tại cửa lấy mẫu trên thân ống khói lò hơi Tương ứng với ống khói thải chung (sau hệ thống xử lý khí thải của lò hơi số 01 và lò hơi số 02).
Tọa độ: 21^{0}5'50.7", 106^{0}4'34.7"
- Quy chuẩn so sánh:
+ **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
+ **Cột B**: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

DAI NAM ENVIRONMENT VIMCERTS 288 ANALYSIS DEPARTMENT

Đặng Minh Dược

P. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0109666262 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM - Q.NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Phạm Văn Huấn

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
https://www.moitruongvec.com/ Email: moitruongvec90@gmail.com/
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 00644/2025/PKQ/25.148)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINA PAPER**	
Địa chỉ:	Cụm Công nghiệp Tân Chi, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	
Địa chỉ lấy mẫu:	Cụm công nghiệp (CCN) Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	
Vị trí quan trắc:	**MTR: Mẫu chất thải rắn (Bột giấy thứ cấp)**	
Tọa độ:	X=2333762, Y=559664	
Loại mẫu:	Chất thải	**Mã hóa mẫu:** 250306.MTR-001
Ngày lấy mẫu:	06/03/2025	
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 06/03/2025 đến ngày 25/03/2025	

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT
				MTR-001	Hàm lượng tuyệt đối cơ sở
1	Asen (As)	TCVN 8467:2010	mg/Kg	KPH(MDL=0,05)	40
2	Đồng(Cu)	TCVN 6496:2009	mg/Kg	24,8	100
3	Cadimi (Cd)	US EPA Method 7010	mg/Kg	KPH(MDL=0,005)	10
4	Chì (Pb)	US EPA Method 7010	mg/Kg	9,3	300
5	Kẽm (Zn)	US EPA Method 7010	mg/Kg	1.156,28	5.000
6	Niken (Ni)	US EPA Method 7010	mg/Kg	8,89	1.400
7	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 7471B	mg/Kg	KPH(MDL=0,05)	4

Ghi chú:

- QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;
- KPH: Không phát hiện; (MDL: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp).

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
2. Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
4. Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.